



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Quyết định Thành lập số</b>	1256/ GP-UB	ngày 16 tháng 6 năm 1994
<b>Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số</b>	0100364579	ngày 10 tháng 4 năm 2015
	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 21 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vladislavs Savkins Ông Võ Văn Mai Ông Hoàng Việt Hà Ông Tôn Quốc Bình Ông David Đỗ Ông Nguyễn Việt Cường Ông Phạm Việt Giang Ông Trịnh Minh Hoàng	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch (đến ngày 19/3/2015) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 18/4/2015)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Việt Giang Ông Đặng Minh Đức Ông Nguyễn Quang Hải Ông Hoàng Thanh Phúc	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	152 Thụy Khuê Quận Tây Hồ, Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Phạm Việt Giang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 30-03-2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định các điều chỉnh cần thiết (nếu có), chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về khả năng thu hồi của khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 7,1 tỷ VND từ Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu từ công ty HIPT Mobile như đề cập ở trên. Tuy nhiên, việc xác định khả năng thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có ảnh hưởng mang sang đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết (nếu có) do ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh có liên quan được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-146/2



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Lại Thùy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2040-2013-007-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>538.532.639.208</b>	<b>507.777.483.912</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>130.655.775.546</b>	<b>117.643.381.917</b>
Tiền	111		9.925.775.546	11.483.381.917
Các khoản tương đương tiền	112		120.730.000.000	106.160.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.050.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	15.050.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>267.017.457.968</b>	<b>248.454.479.885</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	183.301.017.814	119.737.587.668
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.396.953.735	15.148.628.814
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	75.219.108.693	109.921.029.029
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.500.000.000	782.349.889
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	21.635.018.636	19.978.281.169
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(23.034.640.910)	(17.113.396.684)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>52.671.952.354</b>	<b>69.121.598.290</b>
Hàng tồn kho	141		53.557.502.180	70.292.720.963
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(885.549.826)	(1.171.122.673)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>73.137.453.340</b>	<b>72.558.023.820</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		521.269.153	32.655.381
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		206.307.618	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		409.876.569	525.368.439
Tài sản ngắn hạn khác	155	12	72.000.000.000	72.000.000.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>64.478.059.643</b>	<b>76.571.493.236</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>325.041.380</b>	<b>4.588.886</b>
Phải thu dài hạn khác	216		325.041.380	4.588.886
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.629.227.087</b>	<b>38.838.150.684</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	32.279.800.111	34.819.286.851
<i>Nguyên giá</i>	222		65.381.495.015	63.954.200.719
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.101.694.904)	(29.134.913.868)
Tài sản cố định vô hình	227	14	3.349.426.976	4.018.863.833
<i>Nguyên giá</i>	228		7.445.612.093	7.445.612.093
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.096.185.117)	(3.426.748.260)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.834.061.014</b>	<b>5.110.512.947</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	5.834.061.014	5.110.512.947
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>21.393.991.947</b>	<b>31.612.397.988</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		17.542.121.235	18.131.120.508
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.264.044.944	16.076.544.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.412.174.232)	(2.595.267.464)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.295.738.215</b>	<b>1.005.842.731</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		521.295.360	1.005.842.731
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	774.442.855	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>603.010.698.851</b>	<b>584.348.977.148</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>224.921.908.963</b>	<b>204.061.201.545</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.332.636.323</b>	<b>182.447.988.664</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	48.634.771.091	48.798.319.916
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.616.902.356	39.829.296.632
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.572.790.406	2.388.263.360
Phải trả người lao động	314		9.068.118.925	5.559.164.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.173.984.735	6.174.081.979
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	1.410.792.513	2.043.064.686
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	77.275.669.697	77.610.597.556
Vay ngắn hạn	320	22	13.579.606.600	45.200.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.589.272.640</b>	<b>21.613.212.881</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	18.875.915.451	20.286.707.964
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	728.549.600	739.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	984.807.589	587.504.917
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>378.088.789.888</b>	<b>380.287.775.603</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>378.088.789.888</b>	<b>380.287.775.603</b>
Vốn cổ phần	411	25	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415		(19.010.756.592)	(19.010.756.592)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.915.695.597	17.841.771.211
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		752.523.710	12.598.018.196
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.163.171.887	5.243.753.015
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(272.910.101)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>603.010.698.851</b>	<b>584.348.977.148</b>

**3 0 -03- 2016**

Người lập:

  
 Nguyễn Hải Yến  
 Kế toán

Người duyệt:

  
 Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	572.106.557.111	503.084.692.487
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		519.130.000	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>571.587.427.111</b>	<b>503.084.692.487</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	502.064.578.991	426.939.918.652
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>69.522.848.120</b>	<b>76.144.773.835</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	41.672.449.695	5.318.345.704
Chi phí tài chính	22	32	10.850.554.068	4.369.361.103
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		66.163.872	2.977.829.019
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	6(b)	570.500.727	(588.973.920)
Chi phí bán hàng	25	33	41.216.847.262	35.726.068.936
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	39.402.201.588	40.317.643.103
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>20.296.195.624</b>	<b>461.072.477</b>
Thu nhập khác	31	35	2.537.499.458	6.779.491.797
Chi phí khác	32		606.999.761	223.115.030
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.930.499.697</b>	<b>6.556.376.767</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>22.226.695.321</b>	<b>7.017.449.244</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	7.837.966.289	1.771.550.499
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(774.442.855)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>15.163.171.887</b>	<b>5.245.898.745</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		15.163.171.887	5.245.898.745
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	703	243

**30 -03- 2016**

Người lập:

*Nguyễn Hải Yến*

Nguyễn Hải Yến  
Kế toán

Người duyệt:

*Nguyễn Trần Hiền*

Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>22.226.695.321</b>	<b>7.017.449.244</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		4.783.330.363	5.092.692.372
Các khoản dự phòng	03		12.369.922.443	4.778.097.733
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.848.710.869	(264.184.385)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(40.824.349.005)	(2.729.353.966)
Chi phí lãi vay	06		66.163.872	2.977.829.019
(Lợi nhuận)/lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	07		(570.500.727)	588.973.920
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>899.973.136</b>	<b>17.461.503.937</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(29.291.328.103)	24.384.851.776
Biến động hàng tồn kho	10		11.711.249.969	45.137.536.306
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.303.097.997	(17.793.031.831)
Biến động chi phí trả trước	12		(4.066.401)	798.906.997
			<b>(15.381.073.402)</b>	<b>69.989.767.185</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.163.872)	(2.977.829.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.987.026.927)	(1.941.267.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(17.434.264.201)</b>	<b>65.070.670.616</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(912.460.909)	(200.150.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		155.245.458	21.500.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.050.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.282.349.889	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		48.381.250.000	33.840.545.056
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.417.944.394	1.866.552.702
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>34.274.328.832</b>	<b>57.006.947.758</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		66.037.616.350	130.419.283.062
Tiền trả nợ gốc vay	34		(52.503.209.750)	(182.874.039.041)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.362.077.602)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.827.671.002)</b>	<b>(52.454.755.979)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>13.012.393.629</b>	<b>69.622.862.395</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>117.643.381.917</b>	<b>48.020.519.522</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>130.655.775.546</b>	<b>117.643.381.917</b>

**30 -03- 2016**

Người lập:



Nguyễn Hải Yên  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

Phạm Việt Giang  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*



# Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### (b) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
<b>Công ty con</b>			
<b>Cấp 1</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	-	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Hà Nội, Việt Nam TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)		100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<b>Cấp 2</b>			
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”) (*)	Hà Nội, Việt Nam	55%	55%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
<b>Công ty liên doanh</b>			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

(\*) Công ty Hi-Power Tech là công ty con của Công ty HIPT Invest.

Công ty và các công ty con sau đây gọi chung là “Tập đoàn”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 233 nhân viên (1/1/2015: 257 nhân viên).



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

#### **(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 4(a)(ii));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(r)).

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### **(a) Cơ sở hợp nhất**

###### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

###### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 202, các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con. Tập đoàn áp dụng phi hồi tố quy định này kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

###### **(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(b) Ngoại tệ**

##### ***Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hợp đồng xây dựng dở dang**

Hợp đồng xây dựng dở dang thể hiện giá trị hợp đồng dở dang phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

#### **(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (h) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

#### (i) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

##### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

##### ***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

#### **(m) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

#### **(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

#### **(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông, các công ty con và các công ty liên kết các cổ đông này.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	585.861.322	1.623.756.419
Tiền gửi ngân hàng	9.339.914.224	9.859.625.498
Các khoản tương đương tiền	120.730.000.000	106.160.000.000
	<hr/>	<hr/>
	130.655.775.546	117.643.381.917
	<hr/>	<hr/>

**6. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	15.050.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,9% đến 6% một năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh	17.542.121.235	18.131.120.508
▪ các đơn vị khác	7.264.044.944	16.076.544.944
	<hr/>	<hr/>
	24.806.166.179	34.207.665.452
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.412.174.232)	(2.595.267.464)
	<hr/>	<hr/>
	21.393.991.947	31.612.397.988
	<hr/>	<hr/>

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong năm như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	18.131.120.508	19.556.694.428
Lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	570.500.727	(588.973.920)
Cổ tức được chia	(659.500.000)	(836.600.000)
Phân loại sang đầu tư vào đơn vị khác	(500.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	17.542.121.235	18.131.120.508
	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến M-Service	-	8.312.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	6.764.044.944
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	500.000.000	-
Dự án Đảo Sen	-	1.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	7.264.044.944	16.076.544.944
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.211.202.156	20.211.202.156
Nina International	39.386.539.590	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	18.402.483.355	-
Tổng cục Cảnh sát Quản lý hậu cần về trật tự, an toàn xã hội, Bộ Công An, Việt Nam	17.671.015.151	50.245.763.792
Các khách hàng khác	87.629.777.562	49.280.621.720
	<hr/>	<hr/>
	183.301.017.814	119.737.587.668
	<hr/>	<hr/>

**8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	109.921.029.029	139.135.555.457
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	49.461.014.849	141.117.091.772
	<hr/>	<hr/>
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	159.382.043.878	280.252.647.229
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(84.162.935.185)	(170.331.618.200)
	<hr/>	<hr/>
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	75.219.108.693	109.921.029.029
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Phân loại lại</b>
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	2.591.504.028	2.088.933.363
Tạm ứng cho nhân viên (*)	17.324.958.541	15.775.539.433
Ký cược, ký quỹ	47.340.000	481.304.000
Phải thu khác	1.671.216.067	1.632.504.373
	<hr/> <b>21.635.018.636</b>	<hr/> <b>19.978.281.169</b> <hr/>

- (\*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Tập đoàn và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 6.181 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2015: 9.201 triệu VND).





**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Phân loại lại	Dự phòng VND Phân loại lại
Hàng mua đang đi trên đường	8.565.200.000	-	22.041.998.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.472.449.648	-	19.528.158.629	-
Hàng hóa	19.136.088.204	(885.549.826)	27.924.775.351	(1.171.122.673)
Hàng gửi đi bán	383.764.328	-	797.788.983	-
	<b>53.557.502.180</b>	<b>(885.549.826)</b>	<b>70.292.720.963</b>	<b>(1.171.122.673)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 925 triệu VND hàng hóa (1/1/2015: 1.171 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**12. Tài sản ngắn hạn khác**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	40.849.504.796	4.121.532.813	514.436.342	18.468.726.768	63.954.200.719
Tăng trong năm	-	160.000.000	848.270.909	724.226.704	1.732.497.613
Thanh lý	-	-	(294.294.226)	-	(294.294.226)
Xóa sổ	-	-	-	(10.909.091)	(10.909.091)
Số dư cuối năm	40.849.504.796	4.281.532.813	1.068.413.025	19.182.044.381	65.381.495.015
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.291.463.421	4.121.532.813	357.713.452	15.364.204.182	29.134.913.868
Khấu hao trong năm	2.042.765.339	41.290.324	68.598.633	1.961.239.210	4.113.893.506
Thanh lý	-	-	(136.203.379)	-	(136.203.379)
Xóa sổ	-	-	-	(10.909.091)	(10.909.091)
Số dư cuối năm	11.334.228.760	4.162.823.137	290.108.706	17.314.534.301	33.101.694.904
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	31.558.041.375	-	156.722.890	3.104.522.586	34.819.286.851
Số dư cuối năm	29.515.276.036	118.709.676	778.304.319	1.867.510.080	32.279.800.111

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 20). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành, tuy nhiên, Tập đoàn và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong những năm trước, Tập đoàn đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại của khu nhà thấp tầng này.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 9.639 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 9.340 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Thương hiệu VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	3.926.442.619	588.000.000	2.931.169.474	7.445.612.093
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.570.577.051	544.982.408	1.311.188.801	3.426.748.260
Khấu hao trong năm	157.057.705	-	512.379.152	669.436.857
Số dư cuối năm	1.727.634.756	544.982.408	1.823.567.953	4.096.185.117
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	2.355.865.568	43.017.592	1.619.980.673	4.018.863.833
Số dư cuối năm	2.198.807.863	43.017.592	1.107.601.521	3.349.426.976

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	<b>31/12/2015 Giá gốc VND</b>	<b>1/1/2015 Giá gốc VND Phân loại lại</b>
Dự án Xây dựng phần mềm phân tích dự báo kinh tế, đào tạo cán bộ phát triển phần mềm và cán bộ quản trị phần mềm - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5.834.061.014	5.110.512.947

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án dài hạn được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn. Thời gian thực hiện các dự án này dài hơn chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn do đặc thù triển khai nhiều giai đoạn của các dự án. Ban Giám đốc đánh giá có thể thu hồi được toàn bộ các chi phí sản xuất kinh doanh đã phát sinh của các dự án này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chênh lệch tỷ giá	20%	774.442.855	-

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của các công ty trong Tập đoàn:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HIST Ltd.	-	-	782.525.759	156.505.152
HIPT Invest	2.793.426.447	558.685.289	3.046.174.597	609.234.919
New Horizons JSC	90.429.712	18.085.942	90.429.712	18.085.942
HIPT School	190.879.123	38.175.825	313.891.216	62.778.243
HISN Ltd.	5.135.772.627	1.027.154.525	9.038.729.762	1.807.745.952
HIBF Ltd.	-	-	726.246.963	36.312.348
HISG Ltd.	4.780.080.282	956.016.056	3.822.590.925	764.518.185
Hi-Power Tech	3.476.028.374	695.205.675	3.476.028.374	695.205.675
	16.466.616.565	3.293.323.312	21.296.617.308	4.150.386.416

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
2015	Chưa quyết toán	-	4.434.125.257
2016	Chưa quyết toán	4.871.889.611	5.244.784.713
2017	Chưa quyết toán	10.348.388.792	10.655.285.292
2018	Chưa quyết toán	34.756.802	173.456.008
2019	Chưa quyết toán	199.287.835	788.966.038
2020	Chưa quyết toán	1.012.293.525	-
		16.466.616.565	21.296.617.308

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty nêu trên có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
EZY Infotech Pte. Ltd.	8.565.200.000	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long Sài Gòn	11.119.215.000	-
Ingram Micro Asia Co., Ltd.	6.183.399.102	829.103.904
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Miền Nam	6.600.186.120	-
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FSE – FPT	-	17.430.437.000
Các nhà cung cấp khác	16.166.770.869	30.538.779.012
	<hr/>	
	48.634.771.091	48.798.319.916
	<hr/>	

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

**(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Các nhà cung cấp khác	197.661.976	197.661.976
	<hr/>	
	292.661.976	292.661.976
	<hr/>	

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	924.039.526	59.228.918.174	(57.070.262.181)	3.082.695.519
Thuế xuất nhập khẩu	556.645	11.308.806	(11.865.451)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.332.625.264	7.837.966.289	(1.987.026.927)	7.183.564.626
Thuế thu nhập cá nhân	125.282.036	1.561.159.324	(1.385.670.988)	300.770.372
Thuế và các khoản phải nộp khác	5.759.889	1.110.640.735	(1.110.640.735)	5.759.889
	2.388.263.360	69.749.993.328	(61.565.466.282)	10.572.790.406

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	1.173.984.735	6.085.209.866
Các khoản trích trước khác	-	88.872.113
	1.173.984.735	6.174.081.979

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
Doanh thu nhận trước	20.286.707.964	22.329.772.650
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.410.792.513	2.043.064.686
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18.875.915.451	20.286.707.964

Doanh thu nhận trước là số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 13), và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Phân loại lại</b>
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Bảo Việt (Thuyết minh 12)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.619.388.797	2.954.316.656
	<b>77.275.669.697</b>	<b>77.610.597.556</b>

(\*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - để cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	202.249.600	205.000.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	526.300.000	534.000.000
	<b>728.549.600</b>	<b>739.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2015</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2015</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	45.200.000	66.037.616.350	(52.503.209.750)	13.579.606.600

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b> <b>tiền</b>	<b>Lãi suất</b> <b>năm</b>	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Vay từ 1 ngân hàng Thương mại Cổ phần	VND	7,67%	13.534.406.600	-
Khoản vay từ 1 công ty liên quan	VND	0%	45.200.000	45.200.000
			<b>13.579.606.600</b>	<b>45.200.000</b>

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo. Khoản vay từ công ty liên quan phải trả khi yêu cầu.

**23. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	<b>Bảo hành</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	587.504.917
Dự phòng lập trong năm	4.698.606.920
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.300.420.747)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(883.501)
Số dư cuối năm	<b>984.807.589</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	12.598.018.196	-	375.044.022.588
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	5.245.898.745	-	5.245.898.745
Biến động khác	-	-	-	-	-	(2.145.730)	-	(2.145.730)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	17.841.771.211	-	380.287.775.603
<i>Phân loại lại theo Thông tư 200 (Thuyết minh 40)</i>	-	-	-	6.840.705.686	(6.840.705.686)	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - Phân loại lại</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	-	17.841.771.211	-	380.287.775.603
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	15.163.171.887	-	15.163.171.887
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(17.362.077.602)	-	(17.362.077.602)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(80.000)	-	(80.000)
Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 202	-	-	-	-	-	272.910.101	(272.910.101)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	-	15.915.695.597	(272.910.101)	378.088.789.888

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2015 và 1/1/2015</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.559.030	225.590.300.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(985.047)	(19.010.756.592)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	21.573.983	206.579.543.408

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 17.362 triệu VND, tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (2014: Không).

**27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu****Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	14.052	315.577.075	83.139	1.767.134.328

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	2015 VND	2014 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	-
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	-
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	-
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2015	761.676.217	-
			1.219.620.877	-

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	431.470.180.262	336.663.887.946
▪ Cung cấp dịch vụ	136.959.783.321	142.068.981.841
▪ Cho thuê	3.676.593.528	2.851.822.700
▪ Kinh doanh bất động sản	-	21.500.000.000
		572.106.557.111
		503.084.692.487
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(519.130.000)	-
		571.587.427.111
		503.084.692.487



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Hàng hoá đã bán	401.518.282.146	318.918.031.794
Dịch vụ đã cung ứng	99.619.217.704	87.748.600.482
Cho thuê	1.212.651.988	570.540.169
Kinh doanh bất động sản	-	19.800.598.736
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(285.572.847)	(97.852.529)
	<hr/> 502.064.578.991	<hr/> 426.939.918.652 <hr/>

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	1.758.444.394	599.959.302
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	39.068.750.000	-
Cổ tức được chia	-	429.993.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	707.407.829	4.288.393.002
Doanh thu hoạt động tài chính khác	137.847.472	-
	<hr/> 41.672.449.695	<hr/> 5.318.345.704 <hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	66.163.872	2.977.829.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.875.243.008	299.134.622
Dự phòng tổn thất đầu tư	816.906.768	1.072.134.742
Chi phí tài chính khác	92.240.420	20.262.720
	<hr/> 10.850.554.068	<hr/> 4.369.361.103 <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí nhân công	25.413.055.704	23.685.708.414
Chi phí dự phòng bảo hành	4.697.723.419	423.295.589
Chi phí bán hàng khác	11.106.068.139	11.617.064.933
	<hr/>	<hr/>
	41.216.847.262	35.726.068.936
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí nhân công	14.132.474.582	15.792.321.654
Chi phí khấu hao	3.910.532.663	4.885.611.736
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.140.865.103	3.777.405.186
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.218.329.240	15.862.304.527
	<hr/>	<hr/>
	39.402.201.588	40.317.643.103
	<hr/>	<hr/>

**35. Thu nhập khác**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Giảm giá từ nhà cung cấp	1.433.275.924	2.750.432.522
Các khoản khác	1.104.223.534	4.029.059.275
	<hr/>	<hr/>
	2.537.499.458	6.779.491.797
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	479.435.654.381	416.799.686.301
Chi phí nhân công	55.082.205.988	54.176.010.343
Chi phí khấu hao	4.783.330.363	5.092.692.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.728.599.507	9.055.248.397
Chi phí khác	24.118.964.886	17.911.168.278
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	7.425.940.928	1.771.550.499
Dự phòng thiếu trong những năm trước	412.025.361	-
	<hr/> 7.837.966.289	<hr/> 1.771.550.499
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(774.442.855)	-
	<hr/> 7.063.523.434	<hr/> 1.771.550.499

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.226.695.321	7.017.449.244
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.889.872.971	1.543.838.834
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(266.538.001)	(165.737.627)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	97.690.156	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(214.632.467)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.516.144.099	475.999.829
Thu nhập không bị tính thuế	-	(94.598.548)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	(55.604.593)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	202.458.705	173.572.528
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời khác	267.474.736	53.107.950
Dự phòng thiếu trong những năm trước	412.025.361	-
	<hr/> 7.063.523.434	<hr/> 1.771.550.499

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

#### 38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 15.252 triệu VND (cho năm kết thúc ngày 2014: 5.246 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.573.983 cổ phiếu (2014: 21.573.983 cổ phiếu). Trong năm 2015, Công ty không có kế hoạch trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

#### 39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	604.900.000	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	16.666.178.694	16.151.131.737
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	3.048.500.000	2.223.090.908

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	72.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	782.349.889	-
Phải thu ngắn hạn khác	19.978.281.169	4.141.718.223
Hàng tồn kho	70.292.720.963	75.403.233.910
Tài sản ngắn hạn khác	72.000.000.000	16.607.005.818
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	5.110.512.947	-
Tài sản dài hạn khác	-	11.907.017
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.043.064.686	-
Phải trả ngắn hạn khác	77.610.597.556	79.653.662.242
Quỹ dự phòng tài chính	-	6.840.705.686
Quỹ đầu tư phát triển	19.628.990.984	12.788.285.298

**30 -03- 2016**

Người lập:



Nguyễn Hải Yên  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang  
Tổng Giám đốc